

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19/7/2024

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan;

2. Ông Trần Thanh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Trần Phương V, sinh năm 1997; nơi thường trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh T, sinh năm 1996; nơi thường trú: 44 L, Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Trần Phương V trình bày: Chị và anh Phạm Minh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, đến ngày 08/8/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không chăm lo đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2023. Hiện nay tình cảm vợ chồng đã không còn nữa, do vậy chị V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Phạm Minh T.

Về việc nuôi con: Chị V và anh T có 03 con chung là Phạm Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Phạm Nguyễn Thương H, sinh ngày 18/11/2016 và cháu Phạm Nguyễn Hoài T2, sinh ngày 27/5/2018. Chị V yêu cầu trực tiếp nuôi cả ba con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lời khai có tại hồ sơ của bị đơn anh Phạm Minh T thể hiện: Tôi và chị V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn như chị V. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó do tôi cờ bạc gây ra nợ nần, không có khả năng thanh toán nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện nay khoản nợ này tôi cũng đã giải quyết xong, do vậy tôi mong muốn vợ chồng quay lại chung sống để nuôi con. Về con chung, chúng tôi có 04 con chung là Phạm Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Phạm Nguyễn Thương H, sinh ngày 18/11/2016, cháu Phạm Nguyễn Hoài T2, sinh ngày 27/5/2018 và cháu Phạm Nguyễn Hoài T3, sinh ngày 14/10/2022. Tôi đồng ý để chị V trực tiếp nuôi các con.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận cho chị Nguyễn Trần Phương V ly hôn với anh Phạm Minh T. Giao cho chị V trực tiếp nuôi ba con chung là các cháu Phạm Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Phạm Nguyễn Thương H, sinh ngày 18/11/2016, cháu Phạm Nguyễn Hoài T2, sinh ngày 27/5/2018. Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Phương V yêu cầu ly hôn, có tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Minh T; nơi thường trú: 44 L, Tổ C, phường A, thị xã A, Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phạm Minh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trần Phương V và anh Phạm Minh T chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn từ năm 2014, đến ngày 08/8/2017 mới đăng ký kết hôn, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T xác lập hợp pháp từ ngày 08/8/2017. Trong quá trình chung sống chị V và anh T có phát sinh mâu thuẫn nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Anh T4 mặc dù trình bày không đồng ý ly hôn nhưng đã không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau, nhiều lần Tòa án thông báo hòa giải nhưng

anh T4 không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị V. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T4 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Trần Phương V.

[4] Về việc nuôi con: Anh T4 cho rằng vợ chồng có 04 con chung là Phạm Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Phạm Nguyễn Thương H, sinh ngày 18/11/2016, cháu Phạm Nguyễn Hoài T2, sinh ngày 27/5/2018 và cháu Phạm Nguyễn Hoài T3, sinh ngày 14/10/2022. Anh T4 đồng ý giao cho chị V trực tiếp nuôi cả 04 con. Chị V cho rằng năm 2022 chị có sinh con, là con của anh T4, tuy nhiên trong thời gian sinh con anh T4 không hề quan tâm đến con, hiện chị chưa làm giấy khai sinh và cũng không muốn để tên cha trong giấy khai sinh của con, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu T3. Do chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với cháu T3, trường hợp có tranh chấp về xác nhận cha, con thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Anh T4 đồng ý để chị V trực tiếp nuôi con, xét chị V đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con nên cần chấp nhận giao cho chị V trực tiếp nuôi 03 con chung là Phạm Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Phạm Nguyễn Thương H, sinh ngày 18/11/2016, cháu Phạm Nguyễn Hoài T2, sinh ngày 27/5/2018.

Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị V và anh T4 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Phương V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Phạm Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Phương V cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Trần Phương V ly hôn với anh Phạm Minh T.

- Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Trần Phương V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Phạm Nguyễn Thương H, sinh ngày 18/11/2016, cháu Phạm Nguyễn Hoài T2, sinh ngày 27/5/2018, khi các cháu T1, H, T2 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Trần Phương V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012996 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/7/2024. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã Ia Băng, Đăk Đoa(để ghi vào sổ hộ tịch, số 04, quyển số 01 năm 2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Thảo**